TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16-8-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nga

Bà Nguyễn Thị Lương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 367/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đào Hồng N, sinh năm 1996; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã L, huyện T, thành phố H; chỗ ở hiện nay: Thôn 11, xã L, huyện T, thành phố H; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Đào Hồng N trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn S vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố H ngày 14 tháng 4 năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh Nguyễn Văn S

tại thôn 4, xã L, huyện T, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến tháng 11 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Nguyễn Văn S thường xuyên chơi cờ bạc (chơi đề), cầm cố xe máy của gia đình nên chị đã phải vay tiền của nhiều người để cho anh Nguyễn Văn S trả nợ nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Chị và bố mẹ anh Nguyễn Văn S đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh Nguyễn Văn S vẫn tiếp tục cầm cố xe máy và vay nợ của nhiều người. Mâu thuẫn vợ chồng chị căng thẳng nhất vào tháng 01 năm 2018. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 11, xã L, huyện T, thành phố H sinh sống từ tháng 5 năm 2018 và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Đào Hồng N khẳng tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Văn S không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Chị Đào Hồng N trình bày chị và anh Nguyễn Văn S có 01 con chung tên Nguyễn Đào M, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2017. Hiện nay chị đang trực tiếp nuôi con chung và từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay chị vẫn là người trực tiếp nuôi con. Trường hợp chị và anh Nguyễn Văn S ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung tên Nguyễn Đào M cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đào Hồng N không yêu cầu anh Nguyễn Văn S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Đào Hồng N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Văn S vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Văn S hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Văn S vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Đào Hồng N.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là chị Đào Hồng N trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn S không tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều

147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Đào Hồng N: Về hôn nhân: Chị Đào Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Văn S. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đào M, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2017 cho chị Đào Hồng N nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Chị Đào Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn S có nơi cư trú tại thôn 4, xã L, huyện T, thành phố H, Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để anh Nguyễn Văn S có mặt tại Toà án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Đào Hồng N nhưng anh Nguyễn Văn S vắng mặt không có lý do. Tài liệu xác minh có trong hồ sơ vụ án thể hiện anh Nguyễn Văn S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 4, xã L, huyện T, thành phố H và vẫn thường xuyên sinh sống tại gia đình ở thôn 4, xã L, huyện T, thành phố H. Toà án đã triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Văn S vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Đào Hồng N. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Văn S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Đào Hồng N và anh Nguyễn Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố H vào ngày 14 tháng 4 năm 2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chị Đào Hồng N và anh Nguyễn Văn S chung sống hoà thuận đến tháng 11 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Đào Hồng N trình bày do anh Nguyễn Văn S thường xuyên chơi cờ bạc (chơi đề) dẫn đến cầm cố xe máy và vay nợ tiền của nhiều người để lấy tiền chơi đề nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nay chị Đào Hồng N khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Văn S không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S. Bị đơn là anh Nguyễn Văn S đã được Tòa

án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Văn S vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Văn S vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Hồng N. Tài liệu xác minh có trong hồ sơ vụ án thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đào Hồng N và anh Nguyễn Văn S là do anh Nguyễn Văn S thường xuyên chơi cờ bạc (chơi đề) dẫn đến cầm cố xe máy và vay tiền nhiều người để lấy tiền chơi đề nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị Đào Hồng N và gia đình anh Nguyễn Văn S đã khuyên giải anh Nguyễn Văn S nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị Đào Hồng N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 11, xã L, huyện T, thành phố H sống từ tháng 5 năm 2018 và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Như vậy thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đào Hồng N và anh Nguyễn Văn S đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên hòa giải, phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện anh Nguyễn Văn S không mong muốn hoà giải để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đào Hồng N về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn S, cho chị Đào Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

[3] Về con chung: Chị Đào Hồng N trình bày vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Đào M, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2017. Hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn chị Đào Hồng N yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung tên Nguyễn Đào M, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2017 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn S không đến Tòa án trình bày ý kiến về con chung. Tuy nhiên việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét mọi mặt để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Tài liệu xác minh có trong hồ sơ vụ án thể hiện hiện nay chị Đào Hồng N đang trực tiếp nuôi con chung mặt khác hiện nay con chung tên Nguyễn Đào M dưới 36 tháng tuổi. Vì vậy căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đào Hồng N, giao con chung tên Nguyễn Đào M, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2017 cho chị Đào Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đào Hồng N không yêu cầu anh Nguyễn Văn S cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Đào Hồng N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải

quyết. Anh Nguyễn Văn S chưa có ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đào Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chị Đào Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đào M, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2017 cho chị Đào Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đào Hồng N không yêu cầu anh Nguyễn Văn S cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Đào Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009034 ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H. Chị Đào Hồng N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã L, huyện T, TP H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hiền